

Số: /QĐ-SCT

Khánh Hòa, ngày tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2020
của Văn phòng Sở Công Thương**

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG KHÁNH HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương; Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-SCT và Quyết định số 45/QĐ-SCT ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Sở Công Thương về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 cho Văn phòng Sở Công Thương;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán ngân sách năm 2020 của Văn phòng Sở Công Thương (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng và Trưởng các phòng, đơn vị liên quan thuộc Sở thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:(VBĐT)

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Website Sở;
- Lưu: VT, KT.

GIÁM ĐỐC

Lê Thu Hải

Biểu số 2

Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC
ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **SỞ CÔNG THƯƠNG KHÁNH HÒA**
Mã Chương: **416**

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ- SCT ngày /3/2020 của Sở Công Thương)

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	419
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	324
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	324
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	324
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	95
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.700
1	Chi quản lý hành chính	6.700
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.430
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.606
1.3	Bổ sung tiền lương	664
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

5	<i>Chỉ bảo đảm xã hội</i>	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	<i>Chỉ hoạt động kinh tế</i>	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	<i>Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường</i>	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	<i>Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin</i>	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	<i>Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</i>	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	<i>Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao</i>	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	<i>Chỉ Chương trình mục tiêu</i>	
1	Chỉ Chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chỉ Chương trình mục tiêu	